

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	<p>Chủ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trung tâm Điều hành SCADA – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam; + Địa chỉ: 12 Thi Sách, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh; + Tài khoản số: 0071001089357 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TPHCM; + Mã số thuế: 0300942001-042; + Điện thoại: 0914207171; Fax: 028.38239264; + Địa chỉ email: thangnd.scada@evnspc.vn
E-ĐKC 1.5	<p>Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Trung tâm điều khiển SCADA chính (MCC) (địa chỉ: 72 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh) và Trung tâm điều khiển SCADA dự phòng (BCC) (địa chỉ: Km 09 Xa lộ Hà Nội (đường số 02), Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cam kết, kế hoạch tiến độ, văn bản làm rõ, trả lời và các hồ sơ phát sinh liên quan khác trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng được Nhà thầu cung cấp. - Các Văn bản kiến nghị, văn bản xử lý của Chủ đầu tư liên quan đối với Nhà thầu trong quá trình thực hiện Hợp đồng. - Các biên bản làm việc, hồ sơ liên quan khác trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <p>Người nhận: Huỳnh Thiện Phương;</p> <p>Địa chỉ: Trung tâm Điều hành SCADA - số 12, Thi Sách, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Điện thoại: 0963.05.15.25</p> <p>Fax: _____ [ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].</p>

(Handwritten signatures and initials)

	Địa chỉ email: phuonghuynhsgc@gmail.com
E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 % giá hợp đồng. <i>[ghi giá trị cụ thể căn cứ yêu cầu của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].</i></p> <p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 12 tháng 10 năm 2026 (<i>thời gian chuẩn xác lại khi phê duyệt hợp đồng</i>).</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày đặt cọc (<i>nếu giá trị thuộc quy định tại điểm a khoản 1 E-ĐKC 5.1</i>) hoặc ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <p><u>Tích thu bảo đảm thực hiện hợp đồng:</u> Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;

	<p>+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;</p> <p>+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày (Nhà thầu phải nộp trong khoảng thời gian 07 ngày trước khi hết thời gian hiệu lực hợp đồng).</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu hoàn thành cung cấp dịch vụ mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>Bản sao của Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được sao y bởi bởi Ngân hàng hoặc hoặc tổ chức tín dụng phát hành hoặc sao y bản chính còn hiệu lực.</p>
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu hoàn thành cung cấp dịch vụ.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 00% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài

	<p>liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 12.1</p>	<p>Tạm ứng: Bên B cung cấp cung cấp cho Bên A một bảo lãnh tiền tạm ứng theo hình thức thư bảo lãnh với số tiền tương đương số tiền tạm ứng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 16 Chương VIII).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo lãnh tiền tạm ứng: 10% giá trị hợp đồng trước thuế (tương đương số tiền tạm ứng). - Hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng: kể từ phát hành bảo lãnh cho đến hết ngày .../.../2026. - Thời gian thanh toán tạm ứng và hồ sơ tạm ứng được quy định và thực hiện theo E-ĐKC 13.1 Phương thức thanh toán. - Quy định bảo lãnh tạm ứng: <ul style="list-style-type: none"> Hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng: tương đương thời gian hiệu lực hợp đồng + 28 ngày kể từ ngày phát hành hoặc Bên B nhận được khoản tạm ứng và sẽ hết hiệu lực sau khi Bên A khấu trừ hết vào đợt thanh toán theo đúng quy định. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A (do những lỗi trực tiếp và duy nhất của Bên B) chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p>

Handwritten signature and initials in purple ink.

	<p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 13.1</p>	<p>Phương thức thanh toán: <i>(Phương thức thanh toán được chủ đầu tư xem xét hoàn thiện trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, phù hợp với các quy định của pháp luật)</i></p> <p>a. Hình thức thanh toán là: Chuyển khoản. b. Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: VND. c. Việc thanh toán cho bên B được thực hiện như sau:</p> <p>Các hồ sơ thanh toán gồm một (01) bản gốc và bốn (04) bản sao y bản chính của Bên B và đóng dấu giáp lai. Riêng các chứng từ liên quan đến bảo lãnh hợp đồng và bảo hành sản phẩm phải do Ngân hàng phát hành sao y hoặc sao y bản chính.</p> <p>Tạm ứng: sau khi hợp đồng có hiệu lực. Bên A thanh toán số tiền tạm ứng là 10% tổng giá trị hợp đồng sau thuế cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi Bên A nhận đầy đủ các hồ sơ chứng từ thanh toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B; - Bảo lãnh tạm ứng; - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Hóa đơn GTGT hợp lệ có giá trị bằng số tiền tạm ứng (nếu có). <p>Lần 1: Trong vòng 3 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Bên A thanh toán cho Bên B 50% tổng giá trị hợp đồng sau thuế trong vòng 30 ngày sau khi Bên A nhận đầy đủ các hồ sơ chứng từ thanh toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B (lần 1); - Hóa đơn GTGT hợp lệ theo quy định lần 1 có giá trị 50% giá trị hợp đồng sau thuế; - Biên bản nghiệm thu xác nhận kết quả thực hiện công việc dịch vụ bảo trì phòng ngừa cơ bản hệ thống SCADA/DMS của

	<p>EVNSPC (lần 1).</p> <p>Lần 2: Sau 6 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Bên A thanh toán cho Bên B 40% tổng giá trị hợp đồng sau thuế trong vòng 30 ngày sau khi Bên A nhận đầy đủ các hồ sơ chứng từ thanh toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B (lần 2); - Hóa đơn GTGT hợp lệ theo quy định lần 2 có giá trị 40% giá trị hợp đồng sau thuế; - Các Biên bản hỗ trợ xử lý sự cố đột xuất (nếu có) và các hồ sơ trong quá trình xử lý đi kèm (nếu có); - Biên bản nghiệm thu xác nhận kết quả thực hiện công việc bảo trì hệ thống SCADA/DMS của EVNSPC (lần 2). <p>Lần 3 (lần cuối): Sau khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng. Bên A thanh toán cho Bên B giá trị hợp đồng còn lại bằng việc khấu trừ 100% giá trị tạm ứng (sau khi khấu trừ các khoản phải nộp hoặc phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định (nếu có)) trong vòng 30 ngày sau khi Bên A nhận đầy đủ các hồ sơ chứng từ thanh toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B (lần cuối, xác nhận giá trị khấu trừ và giải chấp tạm ứng); - Hóa đơn GTGT hợp lệ theo quy định lần cuối có giá trị tương ứng với giá trị thanh toán còn lại của hợp đồng (nếu có); - Các Biên bản hỗ trợ xử lý sự cố đột xuất (nếu có) và các hồ sơ trong quá trình xử lý đi kèm (nếu có); - Biên bản nghiệm thu xác nhận kết quả thực hiện công việc bảo trì hệ thống SCADA/DMS của EVNSPC (lần cuối); - Biên bản thanh lý hợp đồng.
<p>E-ĐKC 13.2</p>	<p>Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng.</p>
<p>E-ĐKC 15</p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 01%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 05 %. Khi đạt đến mức phạt tối</p>

	<p>đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p>
E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Các trường hợp ảnh hưởng khách quan trong quá trình thực hiện hợp đồng và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, Chủ đầu tư phù hợp theo các quy định của pháp luật.
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 00% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Các trường hợp ảnh hưởng khách quan trong quá trình thực hiện tiến độ hợp đồng và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, Chủ đầu tư phù hợp theo các quy định của pháp luật.
E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B chủ động thực hiện các dịch vụ theo kế hoạch và yêu cầu trong phạm vi hợp đồng của Bên A; - Bên A sẽ tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác nhận nghiệm thu. - Trong quá trình đánh giá, nghiệm thu dịch vụ cung cấp có sai sót Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết để xử lý, khắc phục theo thời gian đã quy định. <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 04 giờ (xử lý sự cố), 07 ngày (xử lý định kỳ), kể từ thời điểm Bên A thông báo cho Bên B.</p>
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

	<p>- Giải quyết tranh chấp: Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa lên Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc cho cả hai bên. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp: do Bên thua chịu.</p>
--	--

Handwritten signatures and initials in purple ink.